

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ ĐỨC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 3- 2022

V/v *chị **Nguyễn Thị H** ly hôn
anh Nguyễn Văn T*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ ĐỨC – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Bộ

Ông Nguyễn Đại Đồng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đinh Thị Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 33/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1997 (Có mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã T, huyện M, Thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990 (Có mặt)

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện M, TP. Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai tại phiên tòa, chị **Nguyễn Thị H** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị **Nguyễn Thị H** kết hôn với anh Nguyễn Văn T và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thượng Lâm năm 2016, trên cơ sở có tình cảm và tự nguyện, sau khi kết hôn chị về gia đình nhà chồng để cùng sinh sống. Quá trình chung sống vợ chồng ngay từ đầu đã không có hạnh phúc, Chị xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tin tưởng nhau, từ khi lấy anh T, do anh T nghe lời mẹ đẻ sinh nghi ngờ chị có quan hệ ngoại tình, dẫn đến chửi vợ, có lúc còn

đánh chị. Đối với gia đình anh T cũng nhiều lần mắng nhiếc chị, cho rằng chị ở nhà không làm được ăn gì trong khi anh T là người bảo chị phải nghỉ làm để ở nhà. Nghe lời chồng, chị nghỉ làm thì gia đình anh T bảo chị ở nhà chỉ ăn với chơi, khi chị xin được đi làm gia đình anh T nói không có ai chăm con, nên chị phải ở nhà chăm con. Nhiều khi xung đột lớn, chị bị chửi bới, đánh đập phải đi viện điều trị bệnh trầm cảm nên không còn mong muốn chung sống cùng anh T. Bản thân anh T cũng không san sẻ vất vả với chị, bỏ mặc chị H chịu đựng. Từ tháng 3/2019 đến nay chị H đã chuyển về ở hẳn cùng bố mẹ đẻ của mình, cắt đứt không liên lạc gì với nhau nữa. Tại phiên tòa chị xác định không còn tình cảm gì với anh T và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị trình bày vợ chồng có hai con chung: Nguyễn Văn Q, sinh ngày 01/12/2017, Nguyễn Phát V, sinh ngày 14/8/2019. Hiện nay hai con chung đang với anh T. Vợ chồng ly hôn chị đồng ý giao lại hai con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị tự nguyện cấp dưỡng 02 triệu đồng/tháng/02 con chung kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho con đến khi đủ 18 tuổi. Trường hợp anh T không nhất trí nuôi hai con chung thì chị xin nuôi cháu cháu Vương và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Chị trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn T trình bày: Việc kết hôn giữa anh và chị H là tự nguyện đúng như chị H trình bày. Quá trình chung sống anh và gia đình anh cũng có lúc mắng mỗ chị một vài câu do có va chạm trong cuộc sống hàng ngày chứ không phải đánh đập hay chửi bới chị H đến mức trầm cảm phải nhập viện. Chị H bỏ nhà đi là do mẹ chị H sang xin về nhà chơi sau đó bỏ đi luôn không về nhà nữa. Đến đầu năm 2020, anh T nghi ngờ chị H thời gian này có quan hệ bất chính vì buổi tối đi ngủ cùng anh T nhưng vẫn dùng điện thoại nhắn tin cho bạn trai nên vợ chồng có xích mích. Sau đó chị H tự bỏ về chứ không có ai trong gia đình anh đuổi chị H ra khỏi nhà. Hiện tại do vợ chồng sống ly thân nhưng anh nghi ngờ chị H đang có thai với người đàn ông khác trong khi chị H vẫn đang là vợ hợp pháp của anh. Việc làm của chị H là vi phạm luật hôn nhân và gia đình. Quá trình giải quyết vụ án anh T có đề nghị làm rõ việc chị H có thai và việc gia đình anh có đánh đập chị H không. Tuy nhiên tại phiên tòa, chị H trình bày không có quan hệ bất chính cũng như hiện tại chị không có thai nên anh T thừa nhận hiện tại anh không còn tình cảm vợ chồng với chị H và nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị H.

Về con chung: Có hai con chung như chị H trình bày ở trên. Vợ chồng ly hôn anh xin nuôi cả hai con chung vì cho rằng: Chị H đã bỏ con đi từ lúc con thứ hai mới được 08 tháng tuổi mà không hề về thăm con hay trợ cấp nuôi dưỡng cho các con chung, anh T trình bày chị H không có đủ tư cách và đạo đức để nuôi các con chung và không nhận trợ cấp nuôi con chung của chị H.

Về tài sản công nợ chung: Anh trình bày vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung vợ chồng. đối với cá nhân chị H có vay nợ riêng khoảng mấy triệu đồng của cửa hàng bán sữa, bím gần nhà anh T trước khi bỏ đi thì phải tự trả các khoản vay nợ này.

Quan điểm của chị H vẫn giữ quan điểm tự nguyện cấp dưỡng 2.000.000đồng/tháng/2con chung; Về khoản nợ riêng tiền bím sữa là của cá nhân chị tự chịu trách nhiệm trả nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Việc chấp hành theo quy định pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án đã làm đúng qui trình tố tụng, không có vi phạm gì, đã xác định đúng tư cách của đương sự, giải quyết đúng thời hạn của vụ án.

Tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Xét xử công tâm, khách quan.

Việc chấp hành theo quy định pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng qui định tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt trong các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải chưa chấp hành tốt quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị **Nguyễn Thị H** được ly hôn anh Nguyễn Văn T; về con chung sau ly hôn giao hai con chung Nguyễn Văn Q, sinh ngày 01/12/2017, Nguyễn Phát V, sinh ngày 14/8/2019 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ghi nhận chị H tự nguyện cấp dưỡng 2.000.000đồng/tháng/2 con chung cho đến khi con chung 18 tuổi hoặc cho đến khi đương sự có yêu cầu mới về người trực tiếp nuôi con và trợ cấp nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị H** và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thượng Lâm, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội ngày 05/10/2016 nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp.

Qua các tài liệu có trong hồ sơ và lời khai của các đương sự xác định: Vợ chồng kết hôn là tự nguyện nhưng chung sống lại không có hạnh phúc, chị H xác định mâu thuẫn là do anh T không tin tưởng, không san sẻ trách nhiệm, tâm tư nguyện vọng của chị H, gia đình chồng không yêu thương chị. Dẫn đến tình cảm ngày càng rạn nứt không thể hàn gắn được. Hai người đã sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay và không phát sinh mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng. Tại phiên tòa cả hai anh chị đều nhất trí được ly

hôn. Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu này của các đương sự là không trái đạo đức và pháp luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh, chị có hai con chung: Nguyễn Văn Q, sinh ngày 01/12/2017, Nguyễn Phát V, sinh ngày 14/8/2019, hiện các con chung đang ở với anh T. Khi ly hôn anh chị nhất trí giao cả 02 con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi các con chung trưởng thành hoặc cho đến khi các bên có thay đổi mới về người trực tiếp nuôi con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu này của các đương sự là không trái đạo đức và pháp luật Hôn nhân và gia đình.

Về trợ cấp nuôi con chung: Anh T không nhận trợ cấp nuôi con chung từ phía chị H, tuy nhiên chị H vẫn giữ nguyên quan điểm tự nguyện đóng góp cho anh T tiền cấp dưỡng nuôi các con hàng tháng là 2.000.000đồng/tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Xét yêu cầu này của chị H là tự nguyện không trái đạo đức xã hội và pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận là phù hợp quy định tại điều 82, 116 Luật hôn nhân và gia đình cho đến khi các bên có thay đổi mới.

Chị **Nguyễn Thị H** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Anh chị trình bày không có tài sản chung và công nợ chung vợ chồng.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83, 84, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điều 147, 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về... án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Nguyễn Thị H** và anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Công nhận sự thuận tình, nhất trí giao con chung của anh T và chị H, Chị H đồng ý giao cả 02 con chung Nguyễn Văn Q, sinh ngày 01/12/2017, Nguyễn Phát V, sinh ngày 14/8/2019 cho anh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị H tự nguyện trợ cấp nuôi 02 con chung cho anh T số tiền 2.000.000đồng/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên có yêu cầu mới về người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị **Nguyễn Thị H** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản, nợ chung: Anh chị trình bày không có tài sản chung và công nợ chung vợ chồng.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị **Nguyễn Thị H** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí trợ cấp nuôi con chung, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0038817 ngày 16/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội. Chị H còn phải nộp 300.000 đồng án phí.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TANDTP. Hà Nội;
- VKSND huyện Mỹ Đức;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Đức;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- UBND xã Thượng Lâm;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Thị Hồng